

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày 23-9-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Vương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Ông An Viết Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23/9/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLDS-PT ngày 28/12/2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo của nguyên đơn ông Giàng Dũng S.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2019/QĐ-PT ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Giàng Dũng S, sinh năm 1966; địa chỉ thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Giàng Mí G (tên gọi khác Giàng Chúa G) sinh năm 1948; địa chỉ thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lù Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lù Thị C: Ông Giàng Dũng S (Văn bản ủy quyền lập ngày 23/3/2018). Có mặt;

- Bà Thào Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thào Thị S: Ông Giàng Mí G (Văn bản ủy quyền lập ngày 23/3/2018). Có mặt.

4. *Người Phiên dịch tiếng Mông*: Ông Giàng Mí P; địa chỉ số nhà 167, tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Giàng Dũng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2017 và bản tự khai ngày 25/3/2017 nguyên đơn là ông Giàng Dũng S cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Giàng Nhà L1 mua của cụ Vàng Dỉ C từ năm 1925, sau khi cụ L1 chết con trai là ông Giàng Pháy L2 quản lý, canh tác. Sau khi ông L2 chết có để lại diện tích đất trên cho các con trai là ông Giàng Mí L3, Giàng Dũng S, Giàng Nhà C quản lý, sử dụng, đến năm 2002 thì xảy ra tranh chấp với ông Giàng Mí G ở cùng thôn. Việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã L giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2016, UBND xã L và Phòng Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) huyện Đ đã giải quyết và kết luận thửa đất đang tranh chấp là thuộc Giấy CNQSDĐ của ông Giàng Mí G được cấp từ năm 2009, ông S không nhất trí với kết luận của UBND xã L và Phòng TN&MT huyện Đ. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp (hiện nay ông S đang sử dụng để trồng hoa màu).

Về phía bị đơn ông Giàng Mí G xác định ông đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1983, đến năm 2009 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ). Đến năm 2012 gia đình ông Giàng Dũng S đến tranh chấp, việc tranh chấp đã được chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông Giàng Mí G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông S phải trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông quản lý, sử dụng.

Từ nội dung trên tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Áp dụng vào khoản 9, 16 Điều 3; khoản 9 Điều 12; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng Dũng S. Buộc nguyên đơn ông Giàng Dũng S phải trả lại tổng diện tích đất là

28.462m² đất lâm nghiệp, tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, tỷ lệ 1/5000, địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang cho ông Giàng Chúa G và bà Thào Thị S. Ranh giới diện tích đất tranh chấp thể hiện trên sơ đồ trích lục thực địa sau:

- Phía đông giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Nhà C;
- Phía tây giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Dũng S;
- Phía nam giáp với đỉnh núi;
- Phía bắc giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Nhà C (sơ đồ diện tích đất tranh chấp kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2018, ông Giàng Dũng S (tên gọi khác Giàng Mí S) có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ với lý do Tòa án buộc ông phải trả lại cho ông G diện tích đất là 28.482m² là không đúng và làm thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa ông Giàng Dũng S giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, do việc thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Đ chưa đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong thời hạn quy định nguyên đơn là ông Giàng Dũng S kháng cáo, nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo

quy định tại các Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Giàng Dũng S: Theo nguyên đơn là ông Giàng Dũng S cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Giàng Nhì L1 mua của cụ Vàng Di C vào “ngày mùng 10 tháng 9 năm thứ 16 Bảo Đại”, sau khi cụ L1 chết con trai là ông Giàng Pháy L2 quản lý, canh tác. Sau khi ông L2 chết để lại diện tích đất trên cho các con trai là ông Giàng Mí L3, Giàng Dũng S, Giàng Nhì C quản lý, sử dụng; đến năm 2002 thì xảy ra tranh chấp với ông Giàng Mí G ở cùng thôn. Ông không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm buộc ông phải trả lại cho ông G diện tích đất là 28.482m². Theo các tài liệu ông S cung cấp có trong hồ sơ vụ án chứng minh về nguồn gốc đất là Khế ước bán đất sự thật được lập giữa bên bán ông Vàng Sáu P và bên mua là ông Giàng Sáu P, bà Giàng Mí D, không phải là ông Giàng Nhì L1 như lời trình bày của ông S; khế ước bán đất được xác lập từ trước khi có Luật đất đai; trong nội dung khế ước không nêu rõ diện tích, vị trí, ranh giới cụ thể.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Giàng Mí G khẳng định gia đình ông đã quản lý, sử dụng toàn bộ khu vực diện tích đất tranh chấp từ năm 1983 đến năm 2009 và gia đình ông đã được cấp Giấy CNQSDĐ 02 lần (ông không nhớ thời gian cấp giấy lần đầu). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông G xác nhận phần diện tích đất tranh chấp do bố ông Giàng Dũng S sử dụng trồng cây sa mộc từ rất lâu, hiện nay vẫn còn một số cây và gia đình ông không canh tác trên diện tích đất này. Xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa ông S và ông G là 5.740,5m², nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông S trả cho vợ chồng ông G diện tích đất 28.462m² là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chưa đủ căn cứ để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích và các cạnh tiếp giáp của diện tích đất tranh chấp có sự mâu thuẫn, không thống nhất, chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, cụ thể:

[3.1] Tại biên bản giải quyết tranh chấp đất đai lập ngày 16/12/2016 giữa hộ ông Giàng Dũng S và Giàng Mí G (số bút lục từ 05-12); biên bản và sơ đồ trích đo các thửa đất tranh chấp (số bút lục 31, 33); Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (số bút lục 38, 39), thì diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Giàng Dũng S và Giàng Mí G được xác định là 2.539,5m², trên đất có các cây cối, hoa màu gồm: Cây đậu răng cưa khoảng 10m², cây khoai lang khoảng 20m², cây cỏ voi khoảng 50m², 01 cây sa mộc, 10 cây sớ, 01 cây thông đỏ, 03 cây kháo, 18 cây gỗ tạp.

[3.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ (bút lục 170) xác định diện tích đất tranh chấp là 28.462m² đã cấp cho ông Giàng Mí G, có các cạnh tiếp giáp: Phía Bắc - Đông giáp với đỉnh núi; phía Đông - Tây giáp với hộ ông Giàng Nhà C; phía Tây - Nam giáp với hộ ông Giàng Nhà C, Giàng Dững S; Phía Nam - Bắc giáp với hộ gia đình ông Giàng Mí G, Giàng Nhà C, Giàng Dững S.

Tại sơ đồ trích đo các thửa đất tranh chấp kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 18/10/2018 nêu trên (bút lục số 167) xác định diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Giàng Dững S và Giàng Mí G nằm trong thửa số 173 có các cạnh tiếp giáp: Phía Bắc, phía Đông, phía Tây giáp đất ông Giàng Mí G; phía Nam giáp đất ông Giàng Nhà C có diện tích là 5.740,5m². Ngoài ra, theo sơ đồ các thửa đất tranh chấp thì phần diện tích đất tranh chấp còn có liên quan đến hộ ông Giàng Nhà C và cả hộ ông Giàng Dững S.

[3.3] Tại Bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xác định diện tích đất tranh chấp là 28.462m² đất lâm nghiệp và xử buộc nguyên đơn ông Giàng Dững S phải trả lại diện tích đất là 28.462m² cho ông Giàng Mí G và bà Thào Thị S. Ranh giới được xác định: Phía Đông giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Nhà C; phía Tây giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Dững S; phía Nam giáp với đỉnh núi; phía Bắc giáp với đất hộ gia đình ông Giàng Nhà C.

[3.4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Giàng Mí G (tức Giàng Chúa G) và bà Thào Thị S vào năm 2009 (bút lục 111-113) thì diện tích đất được cấp là 28.462m², tại thửa số 173, tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng đất là rừng phòng hộ, tại địa chỉ thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Từ các căn cứ trên, việc Tòa án nhân dân huyện Đ xác định diện tích đất tranh chấp là toàn bộ diện tích đất mà ông Giàng Mí G được cấp là 28.462m² và xử buộc ông Giàng Dững S phải trả lại diện tích đất trên cho ông Giàng Mí G và bà Thào Thị S là không đúng với thực tế.

[4] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm do có mâu thuẫn diện tích và các cạnh tiếp giáp của diện tích đất tranh chấp và xét thấy cần làm rõ để có cơ sở giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2019/QĐ-UTTA, ngày 27/02/2019 bằng biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp giữa ông S và ông G. Với yêu cầu: *“Xác định chính xác ranh giới của diện tích đất đang có tranh chấp (giáp ranh với diện tích đất của những hộ dân nào và phần giáp ranh này thuộc hướng nào?); Đo vẽ chính xác diện tích và ranh giới đối với diện tích đất đang có tranh chấp (Bản vẽ thể hiện rõ diện tích đất là bao nhiêu, giáp ranh với*

diện tích đất của những hộ dân nào và phần giáp ranh đó thuộc hướng nào?); Trên diện tích đất tranh chấp có tài sản, cây cối, hoa màu gì không, ai là người đang quản lý, sử dụng, mô tả cụ thể (nếu có)? ”

Ngày 14/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Kết quả như sau: Có 03 hộ cùng có tranh chấp đất là hộ ông Giàng Dững S, Giàng Nhà C và Giàng Mí G, với tổng diện tích là 13.477,5m², có các cạnh tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa số 173 của ông Giàng Mí G, phía Nam giáp thửa số 197 của ông Giàng Dững S; phía Tây giáp đất ông Giàng Nhà C; phía Đông giáp đỉnh núi của 03 hộ ông Giàng Dững S, Giàng Chúa G, Giàng Nhà C. Trong đó: Tranh chấp tại thửa số 173 của hộ ông Giàng Mí G diện tích là 5.740,5m²; tranh chấp tại thửa số 178 của hộ ông Giàng Nhà C diện tích là 5.306,6 m²; tranh chấp tại thửa số 197 của hộ ông Giàng Dững S diện tích là 2.430,4 m². Ngoài ra, không có nội dung gì khác.

[5] Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có một số nội dung chưa được làm rõ, cụ thể: Tứ cận tiếp giáp của diện tích đất tranh chấp giữa hộ gia đình ông Giàng Dững S và Giàng Mí G; chưa làm rõ trên diện tích đất tranh chấp có cây cối, hoa màu gì không; Tòa án không xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ việc tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án đã thụ lý, giải quyết trong vụ án này có liên quan đến diện tích đất được cấp của hộ gia đình ông Giàng Nhà C hay không; quá trình giải quyết vụ Tòa án không đưa ông Cở vào tham gia tố tụng.

Từ các căn cứ, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Việc thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Đ chưa đầy đủ: Chưa tiến hành xác minh các hộ giáp ranh liền kề, cán bộ địa chính xã, trưởng thôn qua các thời kỳ về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn; Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ không phù hợp với diện tích đất nguyên đơn, bị đơn và các hộ liền kề thực tế đang sử dụng; xác định diện tích đất tranh chấp không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không mô tả tình trạng tài sản, cây cối hoa màu trên đất tranh chấp; chưa xác minh làm rõ sự thay đổi diện tích, hình thể thửa đất của các đương sự qua các lần cấp đổi; chưa xác minh làm rõ tên của nguyên đơn, bị đơn trong các Giấy CNQSDĐ và hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ, cấp đổi Giấy CNQSDĐ có phải là một người hay không... mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang hủy Bản án dân sự sơ thẩm

số 03/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị cấp phúc thẩm hủy để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm nên ông Giàng Dững S không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Giàng Dững S và bị đơn ông Giàng Mí G (tên gọi khác Giàng Chúa G); chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Giàng Dững S không phải chịu tiền án phí phúc thẩm được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 03196, ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân